

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/HS-ST  
Ngày 20 - 3 - 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mai Lan.

*Thẩm phán:* Ông Đỗ Tuấn Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Quẩn Thị Dung, bà Bùi Thị Đào, bà Trần Thị Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn số: 46/2025/HSST-QĐ ngày 11/3/2025 đối với bị cáo:

**Đoàn Thanh T** (tên gọi khác không), sinh ngày 17 tháng 7 năm 1992, tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên Đ3, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 123/UBKTHU ngày 29/8/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy M1, tỉnh Sơn La; Con ông Đoàn Văn T1 và bà Đoàn Thị S; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị G và có 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 09/8/2024 cho đến nay “có mặt”.

**- Người bị hại:**

+ Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1962, địa chỉ: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1969, địa chỉ: Tiểu khu H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà La Thị M, sinh năm 1998, địa chỉ: Bản Y, xã C, huyện M, tỉnh Sơn

La “vắng mặt”.

+ Ông Đinh Đình H, sinh năm 1974, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Trần Trung K, sinh năm 1984, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Lương Thị Thu H1, sinh năm 1980, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Đào Duy N, sinh năm 1986, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1970, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1971, địa chỉ: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Hồ Thị Thanh H2, sinh năm 1968, địa chỉ: Tiểu khu C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Lê Thị Y, sinh năm 1989, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Mai Văn L, sinh năm 1970, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1965, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Phạm Thị Anh Đ1, sinh năm 1977, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Trần Văn C, sinh năm 1984, địa chỉ: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1963, địa chỉ: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Hà Văn X, sinh năm 1960, địa chỉ: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1956, địa chỉ: Số nhà H, đường số B, khu phố H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh “vắng mặt”.

+ Bà Ngô Thị Thanh T3, sinh năm 1988, địa chỉ: Tiểu khu F, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Lương Thị H4, sinh năm 1986, địa chỉ: Bản B, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1973, địa chỉ: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Lò Phương L1, sinh năm 1990, địa chỉ: Bản K, xã M, huyện M, tỉnh

Sơn La “có mặt”.

+ Bà Trần Thị N3, sinh năm 1959, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Đào Thị Phương T5, sinh năm 1990, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Nguyễn Hà T6, sinh năm 1981, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1979, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Đào Thị Thùy D, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Đào Trọng H6, sinh năm 1958, địa chỉ: T, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Nguyễn Ánh H7, sinh năm 1982, địa chỉ: Tiểu khu B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1974, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Bùi Thị N4, sinh năm 1982, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Lê Thị T8, sinh năm 1963, địa chỉ: Tiểu khu G, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Đoàn Thế H8, sinh năm 1971, địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Phan Văn P1, sinh năm 1980, địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Nguyễn Huy T9, sinh năm 1969, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Ông Văn Đình K1, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội “vắng mặt”.

+ Bà Lê Thị N5, sinh năm 1982, địa chỉ: Tiểu khu G, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị N6, sinh năm 1974, địa chỉ: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “có mặt”.

+ Ông Lê Hồng T10, sinh năm 1977, địa chỉ: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1968, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “có mặt”.

+ Bà Đoàn Thị S, sinh năm 1970, địa chỉ:Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “có mặt”.

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1993, địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La “có mặt”.

+ Công ty TNHH Đ4 - Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Xuân T11- Giám đốc, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La “có mặt”.

+ Ông Vũ Văn P2, sinh năm 1980, địa chỉ: T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Thanh T nguyên là cán bộ hợp đồng làm việc tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện M và Viên chức Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện M từ năm 2013 đến năm 2020 nghỉ việc làm lao động tự do. Do thấy nhu cầu người dân trên địa bàn huyện M, tỉnh Sơn La muốn có nhanh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2024 T giới thiệu là cán bộ công tác ở Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, tỉnh Sơn La đưa ra thông tin hiện nay Ủy ban nhân dân huyện M1 đang có chủ trương cấp “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” cho người dân tại các xã, thị trấn của huyện M; người dân đã sử dụng đất lâu năm sẽ được miễn giảm thuế, nên tranh thủ làm sớm, nếu không làm sau này chi phí sẽ tăng. T có thể giúp làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đăng ký biến động thay đổi thông tin thửa đất; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thừa kế quyền sử dụng đất...chi phí từ 5.000.000đ đến 90.000.000đ phụ thuộc vào diện tích đất và nội dung chuyển đổi. T đã làm giúp nhiều người để được cấp “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” tại các xã C, N, thị trấn H thuộc huyện M.

Để người dân tin tưởng khi họ đưa tiền, T viết giấy biên nhận khi nhận tiền hoặc viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản*” và ghi số tiền đã nhận hoặc tiền chuyển trực tiếp cho T vào số tài khoản 888888889292 của T. Sau khi nhận tiền, T không thực hiện làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa hoặc chỉ thuê đo đạc đất và chiếm đoạt tiền của những người này sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi bị đòi lại tiền, T đưa ra nhiều lý do tìm cách kéo dài thời gian, tạo lập thông tin giả bằng các thông báo của cơ quan nhà nước rồi gửi qua mạng xã hội Zalo để người bị hại tin tưởng đã được Nhà nước xét duyệt, khi bị đòi gắt thì trả ít một, tiền lấy được của người sau đem trả cho người đã nhận trước đó. Kết quả điều tra xác định, bằng thủ đoạn nêu trên, Đoàn Thanh T đã chiếm đoạt tiền của 38 người với số tiền 747.000.000 đồng, cụ thể:

(1) *Trịnh Thị P: Ngày 25/4/2024 bà P đã đưa 20.000.000đ cho T để làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nhận tiền, T viết “Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số01/HDBDS-2024, ký ngày 25/4/2024” cho*

bà P.

(2) *Trịnh Thị T2*: Ngày 25/4/2024, bà T2 đã đưa 20.000.000đ cho T để làm thủ tục cấp mới, chuyển mục đích sử dụng đất, sau khi nhận tiền T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 01/HDBĐS-2024 ký ngày 25/4/2024*” cho bà T2.

(3) *La Thị M*: Ngày 29/5/2024 và ngày 25/7/2024 bà M đã đưa 50.000.000đ cho T để làm thủ tục cấp mới, chuyển mục đích sử dụng đất, sau khi nhận tiền T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 07/HDBĐS-2024, ký ngày 29/5/2024*” với ông *Phạm Xuân Đ2* (chồng bà M).

(4) *Trần Trung K*: Ngày 11/5/2024, ông K chuyển khoản số tiền 15.000.000đ cho T để làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Sau khi nhận tiền, T thuê Công ty TNHH Đ5 tiến hành đo diện tích đất, ngoài ra không làm thêm thủ tục gì để cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 hộ dân nêu trên, tiền nhận được T đã chi tiêu cá nhân.

(5) *Đinh Đình H*: Ngày 16/5/2024, ông H đã đưa 5.000.000đ cho T để làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(6) *Lương Thị Thu H1*: Ngày 29/7/2024 và ngày 06/8/2024 chị H1 đã chuyển khoản cho T số tiền 20.000.000đ để làm thủ tục đính chính nội dung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) *Đào Duy N*: Ngày 11/3/2024, anh N đưa cho T số tiền 10.000.000đ để cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(8) *Bùi Thị N1*: Ngày 04/11/2023, bà N1 chuyển khoản cho T số tiền 6.000.000đ để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(9) *Đỗ Văn Đ*: Tháng 02/2022, ông Đ đưa cho T số tiền 15.000.000đ để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

(10) *Hồ Thị Thanh H2*: Tháng 10/2024, bà H2 đưa cho T số tiền 20.000.000đ để làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nhận tiền T viết giấy biên nhận tiền vào quyển sổ của bà H2.

(11) *Lê Thị Y*: Ngày 07/8/2024, chị Y chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

(12) *Mai Văn L*: Ngày 07/9/2023, ông L chuyển khoản cho T số tiền 5.000.000đ để làm thủ tục tách thửa đất đang ở.

(13) *Nguyễn Thị S1*: Ngày 21/2/2024, bà S1 đưa cho T số tiền 15.000.000đ, nhận tiền T viết giấy biên nhận số tiền trên.

(14) *Phạm Thị Anh Đ1*: Tháng 7/2024, bà Đ1 chuyển cho T số tiền 14.000.000đ để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

(15) *Trần Văn C*: Ngày 30/6/2024, ông C chuyển khoản cho T số tiền 25.000.000đ để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, đến ngày 16/7/2024, ông C giục đòi nhiều lần, T trả lại cho ông C 20.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền

5.000.000đ.

(16) Nguyễn Văn H3: Tháng 11/2023, ông H3 đưa cho T số tiền 5.000.000đ để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

(17) Hà Văn X: Ngày 05/8/2024, ông X đưa cho T số tiền 20.000.000đ để làm thủ tục tách thửa đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ về bất động sản số 06/HĐBDS-2024*” ngày 05/8/2024.

(18) Nguyễn Thị N2: Ngày 07/8/2024, bà N2 đưa tiền mặt cho T 15.000.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(19) Ngô Thị Thanh T3: Ngày 22/4/2024, và ngày 25/6/2024 bà T3 chuyển khoản cho T số tiền 35.000.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(20) Lương Thị H4: Ngày 11/3/2024 bà H4 đã đưa cho T số tiền 15.000.000đ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ về bất động sản số 06/HĐBDS-2024, ngày 11/3/2024*” cho bà H4.

(21) Lê Thị T12: Ngày 09/8/2024, bà T12 chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(22) Lò Phương L1: Tháng 7/2024, bà L1 chuyển khoản cho T số tiền 10.000.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(23) Trần Thị N3: Ngày 01/5/2024 và ngày 27/5/2024, ông Đỗ Việt H9 (con trai bà N3) đã chuyển khoản cho T số tiền 30.000.000đ để làm thủ tục cấp đổi lại chứng nhận quyền sử dụng đất.

(24) Đào Thị Phương T5: Ngày 07/4/2024, bà T5 đưa cho T 10.000.000đ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ về bất động sản đề ngày 07/4/2025*” cho bà T5.

(25) Nguyễn Hà T6: Ngày 01/6/2024, anh T6 chuyển khoản cho T 15.000.000đ để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐBDS - 2024, ngày 01/6/2024*” cho anh T6.

(26) Nguyễn Thị Thu H5: Ngày 30/6/2022, bà H5 đưa cho T số tiền 30.000.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T viết giấy nhận tiền với bà H5.

(27) Đào Thị Thùy D: Ngày 01/12/2023, bà D chuyển khoản cho T số tiền 17.000.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(28) Đào Trọng H6: Ngày 02/01/2024, ông H6 đưa cho T số tiền 15.000.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản/HĐBDS - 2024 ngày 02/01/2024*” cho ông H6.

(29) Nguyễn Ánh H7: Ngày 06/12/2023, bà H7 đã chuyển khoản cho T số tiền 20.000.000đ để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, T viết giấy nhận tiền với chị H7.

(30)Nguyễn Thị T7: Ngày 23/2/2024, bà T7 đã đưa cho T số tiền 20.000.000đ để làm thủ tục tách thửa đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số /ĐBĐS - 2024 nhưng không ghi ngày tháng năm*” cho bà T7.

(31) Bùi Thị N4: Ngày 21/2/2024, bà N4 đưa cho T số tiền 45.000.000đ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tách quyền sử dụng đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 02/HĐBĐS - 2024 ngày 21/2/2024*” cho bà N4.

(32) Lê Thị T8: Ngày 21/6/2024, T nhận của bà T8 số tiền 10.000.000đ để làm chi phí thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi nhận tiền từ bà T8, T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 08/HĐBĐS - 2024 ngày 21/6/2024*” cho bà T8.

(33) Đoàn Thế H8: Ngày 03/4/2024, ông H8 đưa cho T số tiền 20.000.000đ để làm thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 08/HĐBĐS-2024 ngày 21/6/2024*” cho ông H8.

(34) Phan Văn P1: Ngày 09/01/2024, T nhận số tiền 20.000.000đ từ anh P1 để làm thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nhận số tiền 20.000.000đ T có viết giấy biên nhận tiền.

(35) Nguyễn Huy T9: Ngày 28/2/2024 và ngày 04/3/2024, T nhận của anh T9 tổng số tiền 40.000.000đ để làm thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi nhận số tiền trên T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 06/HĐBĐS-2024 ngày 28/02/2024*” cho ông T9.

(36) Văn Đình K1: Ngày 26/4/2024, T nhận số tiền 20.000.000đ từ anh K1 bằng hình thức chuyển khoản để làm thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(37) Lê Thị N5: Ngày 13/6/2024, T nhận của chị N5 số tiền 10.000.000đ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khi nhận tiền T viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 08/HĐBĐS ngày 13/6/2024*” với anh Phan Huy T13 (chồng của chị N5).

(38) Nguyễn Thị N6: Ngày 21/02/2024, T nhận của bà N6 số tiền 90.000.000đ để làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận tiền từ bà Nga T14 viết “*Hợp đồng dịch vụ pháp lý về bất động sản số 01/HĐBĐS ngày 21/02/2024*” cho bà N6.

Sau khi nhận tiền của các hộ dân trên, T14 không làm thủ tục gì để cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ, tiền nhận được T14 sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Ngày 06, 07/11/2024, ngày 11/12/2024 và ngày 17, 18/3/2025, bà Nguyễn Thị G (vợ của bị cáo Đoàn Thanh T) đã bồi thường cho 38 người bị hại tổng số tiền là 747.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS-P1 ngày 11/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Đoàn Thanh T về Tội Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Đoàn Thanh T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo có tác động gia đình để trả lại hết số tiền đã chiếm đoạt, đề nghị xem xét giảm mức hình phạt .

- Các bị hại xác nhận đã được vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị G trả lại hết số tiền bị cáo Đoàn Thanh T lừa đảo; có đơn và ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn T1, bà Đoàn Thị S, bà Nguyễn Thị G, đều không đề nghị bị cáo phải hoàn trả số tiền đã đứng ra bồi thường cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đoàn Thanh T, trình bày luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đoàn Thanh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Thanh T từ 08 đến 09 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo được quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị cáo đã trả lại số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 Chiếc điện thoại di động và 01 máy tính xách tay thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đề nghị huỷ bỏ Lệnh Phong tỏa tài khoản số 136/LPT-ANĐT ngày 21/8/2024 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh S, đối với số tài khoản 888888889292 mang tên Đoàn Thanh T tại Ngân hàng TMCP A (A1). Trả lại toàn bộ số tiền còn lại tính đến thời điểm thi hành án dân sự trong tài khoản 0888888889292 mang tên Đoàn Thanh T cho bị cáo Đoàn Thanh T.

- Bị cáo Đoàn Thanh T không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến tranh luận gì thêm, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Trong vụ án, những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, bị cáo cũng như đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố không yêu cầu phải có mặt đầy đủ những người tham gia tố tụng. Xét thấy, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có ý kiến đầy đủ có trong hồ sơ vụ án, các ý kiến, bản tự khai của những người vắng mặt được công bố công khai tại phiên tòa, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Đoàn Thanh T:

Để có tiền chi tiêu cá nhân, Đoàn Thanh T đưa ra thông tin gian dối là cán bộ công tác tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, tỉnh Sơn La có khả năng lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ năm 2022 đến 2024 đã có nhiều người tin tưởng đến nhờ T giúp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đăng ký biến động thay đổi thông tin thửa đất; cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thừa kế quyền sử dụng đất... Đoàn Thanh T đã chiếm đoạt của 38 bị hại với tổng số tiền chiếm đoạt 747.000.000đ (*Bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp vào hồi 21 giờ 30 phút ngày 09/8/2024 tại UBND phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La.

- Biên bản khám xét hồi 21 giờ 10 phút ngày 09/8/2024 tại nhà ở của Đoàn Thanh T tại tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa về việc bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên của những người bị hại.

Với các căn cứ chứng minh nêu trên, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đoàn Thanh T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Đoàn Thanh T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 747.000.000đ (*Bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng*), vi phạm tình tiết

định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ năm trăm triệu đồng trở lên*” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ về hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền để sử dụng cho bản thân nên đã đưa ra những thông tin, tài liệu không có thật để chiếm đoạt tài sản của người khác. Số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây dư luận xấu tại địa phương, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của cán bộ và cơ quan Nhà nước.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, vi phạm tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; trong quá trình công tác, bị cáo được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, danh hiệu lao động tiên tiến; Các bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần, căn cứ vào giá trị tài sản chiếm đoạt của bị cáo, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, nguyên nhân điều kiện phạm tội. Cần cách ly bị cáo Đoàn Thanh T ra khỏi ngoài xã hội một thời gian mới đủ thời gian giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện có ích cho xã hội. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo đã bồi thường được hết số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần mở lượng khoan hồng, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính là phạt tù bị cáo DDaonf Thanh T15 còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có tài sản và không còn thu nhập không có khả năng để thi hành, do đó xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với những người có liên quan:

- Đối với hành vi sử dụng máy tính cá nhân tải văn bản, chỉnh sửa nội dung Công văn số 1130/CV-UBND, ngày 13/6/2023 về việc cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất lần đầu của UBND huyện M1; Thông báo số 132/TB-VPĐĐ ngày 11/3/2024 về việc chậm phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S của Đoàn Thanh T, sau đó chụp ảnh gửi Zalo cho anh Lê Hồng T10 nhằm mục đích kéo dài thời gian việc hoàn trả tiền cho anh T10. Kết quả điều tra xác minh, UBND huyện M1 và Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S không ban hành 02 văn bản có nội dung nêu trên. Kết luận giám định số 1874/KL-KTHS ngày 17/9/2024 và số 1909/KL-KTHS ngày 13/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh S kết luận: Không khôi phục được dữ liệu là các File: Ảnh, video, W, PDF trong máy tính gửi giám định và không xác định được 02 file gửi giám định có bị cắt ghép chỉnh sửa hay không (file ảnh Công văn số 1130/CV-UBND ngày 13/6/2023 của UBND huyện M1 và Thông báo số 132/TB-VPĐĐ ngày 11/3/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S do ông Lê Hồng T10 giao nộp). Hành vi có dấu hiệu “làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên không đủ căn cứ quy kết đối với Đoàn Thanh T về hành vi này, được xác định là thủ đoạn của Đoàn Thanh T mục đích để anh T10 tin tưởng là T làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đòi lại tiền, được xem xét là tình tiết trong vụ án.

- Ngoài ra, trong quá trình điều tra xác định cũng bằng những phương thức thủ đoạn nêu trên cuối năm 2022 Đoàn Thanh T còn có hành vi nhận tiền của 02 người dân với số tiền 70.000.000đ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Lê Hồng T10, sinh năm 1977 số tiền 60.000.000đ và Vũ Văn P2, sinh năm 1980, cùng trú tại T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, số tiền 10.000.000đ) nhưng Đoàn Thanh T đã trả lại hết cho những người này trước khi hành vi bị phát hiện (ngày 08/8/2024) nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ5, do ông Đoàn Xuân T16 làm giám đốc có chức năng đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh Sơn La, được Đoàn Thanh T thuê để đo, tính diện tích đất cho các hộ dân Trịnh Thị P, Trịnh Thị T2, La Thị M, Trần Trung K nhưng không biết và không tham gia trong việc chiếm đoạt tiền của các bị hại này, nên không đồng phạm với Đoàn Thanh T về tội danh nêu trên; ông T16 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả chi phí đã đo đạc cho các hộ, do vậy Hội đồng không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, các bị hại đều nhất trí và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường. Xét tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật, cần được chấp nhận việc bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại, vận dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Bộ luật Dân sự.[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc máy tính xách tay, 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Đoàn Thanh T, xét là tài sản bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do vậy cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Thanh T phạm tội: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam (ngày 09/8/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đoàn Thanh T được quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc gia đình bị cáo Đoàn Thanh T, bị cáo và 38 người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong tổng số tiền 747.000.000đ (*Bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

Chấp nhận người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không yêu cầu bị cáo Đoàn Thanh T phải hoàn trả lại số tiền 747.000.000đ (*Bảy trăm bốn mươi bảy triệu đồng*).

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Acer đã được niêm phong trong một phong bì; 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu đen được niêm phong trong 01 phong bì.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/01/2025 giữa bên giao là Cơ quan ANĐT Công an tỉnh S và bên nhận là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Đoàn Thanh T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/3/2025). Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Mai Lan**